TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 04/2020/HNGĐ - ST
Ngày 26 tháng 3 năm 2020
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đức và ông Đoàn Văn Đoan.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; nơi ĐKHKTT: Thôn Tam K2, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang cư trú tại: Thôn P, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt);

Bị đơn: Anh Đặng Văn Tr, sinh năm 1988 ; nơi cư trú: Thôn Tam K2, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Đặng Văn Tr kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 19/4/2016. Trước khi kết hôn cả hai người đều được tự do tìm hiểu nhau. Sau ngày cưới chị về làm dâu nhà anh Tr ngay. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng tháng 11 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Tr chơi bời dẫn đến nợ nần, bản thân anh Tr sống không có trách nhiệm gì

với vợ con. Khi phát hiện ra việc chơi bời của anh Tr, chị có khuyên nhủ nhưng anh Tr không thay đổi nên mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn lại được. Từ tháng 11/2018 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr.

Bị đơn là anh Đặng Văn Tr, được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không thể lấy được lời khai của anh Tr. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, lấy lời khai của ông Đặng Văn H là bố đẻ của anh Tr.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2020, ông H trình bày.

Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh Tr xẩy ra như lời trình bày trên của chị T là đúng. Ông H thừa nhận, sau khi vợ chồng chị T xẩy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình có khuyên bảo giàn xếp để vợ chồng chị T về sống đoàn tụ nhưng không có kết quả. Cuối năm 2018, chị T tự ý bỏ nhà đi không chung sống với anh Tr nên vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Thời điểm chị T xin ly hôn, tuy anh Tr không có mặt ở nhà nhưng khi Tòa án gửi các văn bản về cho anh Tr, gia đình ông H đều nhận được đầy đủ các văn bản của Tòa án. Sau khi nhận được văn bản của Tòa án, ông đã trực tiếp thông báo cho anh Tr biết nội dung văn bản của Tòa án và bảo anh Tr về Tòa án nhân dân huyện Y để giải quyết việc ly hôn nhưng anh Tr đang đi làm bận không về Tòa án để làm việc được, anh Tr có nói lại cho ông biết quan điểm của anh Tr là đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Chị T và ông H đều xác định, vợ chồng chị T có 02 con chung sinh đôi là Đặng Hà A và Đặng Hải A đều sinh vào ngày 09/7/2017, hiện tại cả hai con chung của vợ chồng chị T đang ở cùng với anh Tr và vợ chồng ông H. Ly hôn, chị T tự nguyện giao cả 02 con chung cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng vì hiện tại chị đang bị bệnh tim, không có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc các con. Quan điểm của anh Tr được thể hiện qua lời khai của ông H và gia đình ông H đều có nguyện vọng xin được nuôi cả 02 con chung của vợ chồng anh Tr và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở; đất canh Trác; công nợ và công sức: Chị T xác định vợ chồng không có gì nên ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Toà án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định

của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn không có mặt, không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nên Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th và cho chị T được ly hôn với anh Đặng Văn Tr.

Về con chung: Giao cho anh Tr được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Đặng Hà A và Đặng Hải A đều sinh vào ngày 09/7/2017. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của chị T. Sau này, khi nào anh Tr trở về nếu anh Tr có yêu cầu xin chuyển dịch quyền nuôi con thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Còn về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh Trác; công nợ và công sức: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh Trụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là anh Đặng Văn Tr. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình.Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Anh Đặng Văn Tr là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đặng Văn Tr.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị T xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Tr không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr. Căn cứ vào lời trình bày của chị T, ông H là bố đẻ của anh Tr trong quá trình giải quyết vụ án

và tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T và anh Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc cho nên cần xác định cuộc hôn nhân của chị T và anh Tr là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, chị T và ông H đều thừa nhận. Trong cuộc sống hàng ngày, chị T và anh Tr có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do giữa chị T và anh Tr là thiếu sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Khi vợ chồng xẩy ra mâu thuẫn cả chị T và anh Tr không ai tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm mà chọn cách sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, chị T và anh Tr đều không còn ai quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Anh Tr tuy biết việc chị T xin ly hôn nhưng cũng không về làm việc để hàn gắn tình cảm. Điều đó chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Tr đã dạn nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị T được ly hôn với anh Đặng Văn Tr.

Về con chung: Vợ chồng chị T có 02 con chung là cháu Đặng Hà A và cháu Đặng Hải A đều sinh vào ngày 09/7/2017, hiện tại cả 02 cháu đang sống cùng anh Tr và ông bà nội. Ly hôn chị T tự nguyện giao cả 02 con cho anh Tr nuôi dưỡng vì bản thân chị đang bị bệnh không có điều kiện nuôi dưỡng các con, anh Tr và gia đình ông H có nguyện vọng xin được nuôi cả 02 cháu, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, mặc dù anh Tr không có mặt ở nhà, Tòa án không thể trực tiếp lấy được lời khai của anh Tr nhưng thông qua gia đình, quan điểm của anh Tr và gia đình anh Tr đều có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả 02 con. Xét thấy việc chị T tự nguyện giao cả 02 con cho anh Tr nuôi dưỡng là do hoàn cảnh và hoàn toàn tự nguyện đồng thời tránh làm sáo trộn cuộc sống cũng như ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu. Bản thân anh Tr và gia đình anh Tr cũng có nguyện vọng xin được nuôi cả 02 cháu nên Hội đồng xét xử sẽ giao cho anh Tr tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Đặng Hà A và Đặng Hải A. Sau này, khi anh Tr trở về nếu anh Tr có nguyện vọng dịch chuyển quyền nuôi con thì anh Tr sẽ đề nghị chuyển dịch quyền nuôi con bằng một vụ án khác. Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh Tr và gia đình anh Tr không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, đất ở, đất canh Trác; công nợ và công sức: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, hiện tại anh Tr không có mặt ở nhà nên Tòa án không lấy được lời khai của anh Tr để biết được nguyện vọng của anh Tr. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì vậy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn Tr.

2/ Về con chung: Giao cháu Đặng Hà A và Đặng Hải A đều sinh vào ngày 09/7/2017 cho anh Đặng Văn Tr được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh Tr, không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của chị T.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0005450 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị T đã nộp đủ.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Đại Tự;
- Lưu HS, VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Bích Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**
	Nguyễn Thị Bích Hạnh

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Hông Châu;
- Lưu HS, VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Hạnh